

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2025

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Ngọc Tam .

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoàng Nga;

2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 20/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980. Vắng mặt có lý do.

- Bị đơn: anh Trần Đình N, sinh năm 1977. Vắng mặt có lý do.

Cùng địa chỉ: thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2025, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Đình N tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N.

Về con chung: có 03 cháu tên Trần Thị Hiền N1, sinh ngày 18/4/1999; Trần Đình P, sinh ngày 20/3/2001 và Trần Đình P1, sinh ngày 28/02/2006. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn – anh Trần Đình N trình bày: anh và chị T tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc; tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng đôi lúc có cãi vã, anh có đánh chị T bạc tai. Hiện nay, anh vẫn còn tình cảm nên không thống nhất yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: có 03 cháu tên Trần Thị Hiền N1, sinh ngày 18/4/1999; Trần Đình P, sinh ngày 20/3/2001 và Trần Đình P1, sinh ngày 28/02/2006. Hiện nay các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: trường hợp ly hôn, anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn – anh Trần Đình N có nơi cư trú tại thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo trình bày của các đương sự: chị T và anh N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, các đương sự không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn để chứng minh hôn nhân hợp pháp. Tại văn bản số 02/UBND ngày 08/01/2025 của Ủy ban nhân dân xã Q trả lời yêu cầu cấp bản sao hộ tịch đăng ký kết hôn của công dân xác định: qua kiểm tra, xác minh, thông tin việc lưu trữ hồ sơ hộ tịch đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thị T và ông Trần Đình N tại Ủy ban nhân dân xã Q không còn lưu giữ; hồ sơ hộ tịch tại xã Q chỉ lưu giữ từ năm 1999 về sau. Như vậy, không có căn cứ xác định chị T và anh N thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định nên việc hôn nhân giữa chị T và anh N không phải là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh N theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình là phù hợp.

[2.2] Về con chung: có 03 cháu tên Trần Thị Hiền N1, sinh ngày 18/4/1999; Trần Đình P, sinh ngày 20/3/2001 và Trần Đình P1, sinh ngày 28/02/2006. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc "*Tranh chấp về ly hôn*".

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đình N.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng chị T phải chịu, được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010639 ngày 11/02/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Tam